

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định xây dựng và sử dụng mã học phần của Trường Đại học Nha Trang

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản, nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-ĐHNT, ngày 13/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-ĐHNT, ngày 03/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang ban hành Quy định mở ngành và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ các chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xây dựng và sử dụng mã học phần của Trường Đại học Nha Trang.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3: Các ông, bà Trưởng Phòng Đào tạo Đại học, Đào tạo Sau đại học và Trưởng đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG

Trang Sĩ Trung

QUY ĐỊNH

Xây dựng và sử dụng mã học phần của Trường Đại học Nha Trang
(Kèm theo Quyết định số 430 /QĐ-ĐHNT ngày 16 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

Điều 1. Mục đích xây dựng mã học phần

1. Tạo điều kiện cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh (sau đây gọi là người học) thuận lợi khi tra cứu học phần khi đăng ký học tập; giảng viên, chuyên viên (sau đây gọi là cán bộ) thuận lợi khi tra cứu, theo dõi hệ thống học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ tại Trường Đại học Nha Trang (sau đây gọi tắt là Trường).

2. Tạo điều kiện liên thông trong tổ chức đào tạo các trình độ của Trường.

Điều 2. Nguyên tắc, cấu trúc xây dựng mã học phần

1. Nguyên tắc xây dựng mã học phần

- Hệ thống, logic và dễ nhận diện.
- Nhận diện được ngành đào tạo hoặc lĩnh vực đào tạo.
- Nhận diện được trình độ đào tạo: đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

2. Cấu trúc xây dựng mã học phần

Mã học phần được xây dựng gồm 7 ký tự: $X_1X_2X_3X_4X_5X_6X_7$. Trong đó:

a) $X_1X_2X_3$ là ba chữ cái viết tắt của ngành đào tạo, lĩnh vực đào tạo bằng tiếng Anh (Bảng Phụ lục đính kèm).

- Học phần chung của nhiều ngành đào tạo, $X_1X_2X_3$ được lấy theo ngành có bộ môn quản lý học phần.

b) X_4 là mã số biểu thị trình độ đào tạo.

c) $X_5X_6X_7$ là mã số biểu thị thứ tự học phần trong chương trình đào tạo.

Điều 3. Nội dung, ý nghĩa của các ký tự trong mã học phần

1. Mã số biểu thị trình độ đào tạo (X_4)

- X_4 mang mã số 6: trình độ đào tạo đại học.
- X_4 mang mã số 7: trình độ đào tạo thạc sĩ.
- X_4 mang mã số 8: trình độ đào tạo tiến sĩ.

2. Mã số biểu thị thứ tự học phần trong chương trình đào tạo ($X_5X_6X_7$)

- $X_5X_6X_7$ có số thứ tự từ 000 đến 199 thuộc khối kiến thức giáo dục tổng quát.
- $X_5X_6X_7$ có số thứ tự từ 200 đến 899 thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; khối kiến thức ngành, chuyên ngành.

- X₅X₆X₇ có số thứ tự từ 900 đến 999 thuộc học phần thực tập, chuyên đề tốt nghiệp; đồ án/khóa luận tốt nghiệp; đề án/đồ án tốt nghiệp thạc sĩ, luận văn thạc sĩ; luận án tiến sĩ.

Điều 4. Sử dụng mã học phần

- Mã học phần được sử dụng thống nhất trong Trường đối với chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

- Học phần trong chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của Trường Đại học Nha Trang đều có mã riêng được xây dựng theo Quy định trên.

- Khi mở ngành, xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ mới; cập nhật điều chỉnh chương trình, đơn vị quản lý đào tạo căn cứ vào Quy định này để xác định mã học phần cho các học phần mới.

- Người học sử dụng mã học phần được xây dựng theo Quy định này để đăng ký, tra cứu, chuyển mã học phần và bảo lưu điểm học phần.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các mã học phần chưa có, được tạo mới phải tuân thủ theo Quy định này (mã học phần được tạo trước đây được giữ nguyên).

Các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc cần điều chỉnh, sửa đổi; các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Đào tạo Đại học để tổng hợp, báo cáo đề xuất Hiệu trưởng xem xét, quyết định./.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Pi Trung



Phụ lục

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT NGÀNH ĐÀO TẠO, LĨNH VỰC ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số ~~430~~ 100-QĐ-ĐHNT ngày 16 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO, LĨNH VỰC ĐÀO TẠO		
	Tiếng Việt	Tiếng Anh	Viết tắt (X ₁ X ₂ X ₃)
1	Toán	Mathematics	MAT
2	Vật lý	Physics	PHY
3	Lý luận chính trị	Politics	POL
4	Xã hội nhân văn	Social Science and Humanities	SSH
5	Giáo dục quốc phòng	Military Education	MIE
6	Giáo dục thể chất	Physical Education	PHE
7	Kỹ thuật điện	Electrical Engineering	ELE
8	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Control Engineering and Automation	CEA
9	Kỹ thuật cơ khí	Mechanical Engineering	MEE
10	Kỹ thuật chế tạo	Manufacturing Engineering	MAE
11	Kỹ thuật cơ điện tử	Mechatronics Engineering	MEC
12	Kỹ thuật nhiệt	Thermal Engineering	THE
13	Khoa học hàng hải	Nautical Science	NAS
14	Kỹ thuật cơ khí động lực	Mechanical Power Engineering	MPE
15	Kỹ thuật tàu thủy	Naval Architecture and Marine Engineering	NAA
16	Kỹ thuật biển	Marine Engineering	MEN
17	Kỹ thuật ô tô	Automotive Engineering	AUE
18	Kỹ thuật xây dựng	Civil Engineering	CIE
19	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Transport Construction Engineering	TCE
20	Kỹ thuật hóa học	Chemical Engineering	CHE
21	Công nghệ thực phẩm	Food Technology	FOT

22	Công nghệ chế biến thủy sản	Aquatic Products Processing Technology	APP
23	Công nghệ thông tin	Information Technology	INT
24	Khoa học máy tính	Computer Science	COS
25	Hệ thống thông tin quản lý	Management Information System	MIS
26	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Tourism and Travel Management	TTM
27	Quản trị khách sạn	Hospitality Management	HOM
28	Quản trị kinh doanh	Business Administration	BUA
29	Marketing	Marketing	MKT
30	Kinh doanh thương mại	Commercial Business	COB
31	Tài chính – Ngân hàng	Finance - Banking	FIB
32	Kế toán	Accounting	ACC
33	Kiểm toán	Auditing	AUD
34	Luật	Law	LAW
35	Ngôn ngữ Anh	English Linguistics	ENL
36	Kinh tế	Economics	ECO
37	Kinh tế phát triển	Development Economics	DEE
38	Khoa học thủy sản	Fisheries Science	FIS
39	Quản lý thủy sản	Fisheries Management	FIM
40	Nuôi trồng thủy sản	Aquaculture	AQU
41	Công nghệ sinh học	Biotechnology	BIO
42	Kỹ thuật môi trường	Environmental Engineering	ENE